



IMF: PHƯƠNG THUỐC HAY TAI HỌA?

Nguồn: Devesh Kapur (1998). "The IMF: A Cure or a Curse?" *Foreign Policy*, No. 111 (Summer), pp. 114-129.

Biên dịch: Trần Hương Phong | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Vào tháng 11 năm 1996, một ấn phẩm của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa tin về một hội nghị ở Jakarta do IMF tài trợ đã loan báo rằng "các điều kiện cơ bản lành mạnh của ASEAN là tín hiệu tốt cho sự phát triển bền vững." Ấn phẩm nhấn mạnh rằng thông điệp chính của Hội nghị là "khu vực này đã sẵn sàng kéo dài thành công của mình sang thế kỷ 21, và các chính phủ ở đây vẫn tiếp tục giữ một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình này Niềm tin của những thành viên tham dự ... bắt nguồn từ những điều kiện kinh tế vĩ mô cơ bản vững mạnh tại khu vực này; từ truyền thống, và cam kết của các nước ASEAN trong việc phân bổ đầu tư hiệu quả; và từ niềm tin phổ biến rằng môi trường bên ngoài sẽ tiếp tục thuận lợi."

Nếu như IMF công khai tin tưởng vào sự vững mạnh của "những điều kiện cơ bản" của châu Á, thì Quỹ này thậm chí còn quan tâm hơn tới những lợi ích của dòng chảy vốn quốc tế vốn đã giúp khu vực này tăng trưởng đáng kể. Ngay cả khi cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra ở châu Á bắt đầu hé mở vào mùa hè năm 1997, IMF vẫn ra sức ép các thành viên của mình sửa đổi điều lệ (chỉ mới là lần thứ tư trong lịch sử 53 năm của mình) để đưa việc tự do hóa các tài khoản vốn trở thành một mục tiêu cụ thể của Quỹ, và trao cho nó "quyền tài phán thích hợp" đối với các dòng chảy vốn.

Chưa tới một năm sau, IMF đã quay sang chê bai "các điều kiện cơ bản" của châu Á là hết sức tệ hại. Quỹ lập luận rằng cuộc khủng hoảng "chủ yếu là do các nguyên nhân nội tại". Thay vì khuyến cáo nhanh chóng hủy bỏ việc kiểm soát vốn, giám đốc điều hành IMF Michel Camdessus đã bắt đầu kêu gọi tự do hóa việc kiểm soát của chính phủ đối với dòng tiền ra vào các nước này một cách "có trật tự, đúng trình tự và thận trọng".

Tuy nhiên, những sai lầm của quá khứ đã không ngăn được IMF can thiệp vào các nước gặp khủng hoảng ở châu Á một cách nhiệt tình chưa từng có. Nhưng nếu dự đoán của IMF về châu Á là sai lầm đến thế, thì liệu có lý do nào để tin rằng các giải pháp đề xuất của nó sẽ tốt hơn? Liệu có phải những phương sách này được dựa trên chẩn đoán của những chuyên gia kỹ trị? Hay chúng chỉ đơn thuần che đậy lợi ích riêng của tổ chức này và lợi ích của những người chủ kiểm soát nó?

Về vấn đề này, chính xác là IMF đại diện cho ai? Những hành động của nó trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á không chỉ đưa ra những câu trả lời sắc nét và đáng lo ngại cho các câu hỏi này, mà còn làm tăng những mối nghi ngờ chính đáng về tính đúng đắn của kiến trúc thể chế cho quản trị toàn cầu nói chung và quản lý kinh tế và tài chính quốc tế nói riêng.

Để cho các con số tự nói

Nếu như IMF được nhận một đô la cho mỗi lời chỉ trích đối với mục đích và vai trò của nó bởi phe cánh Hữu, cánh Tả, và phe Trung dung, thì có lẽ nó sẽ không bao giờ phải tiếp cận các cổ đông của mình để xin thêm tiền duy trì hoạt động. Vô số bài xã luận của tờ *Thời báo Phố Wall* đã chỉ trích mạnh mẽ các kiến nghị "cứu trợ" và tăng thuế của tổ chức này như những nỗ lực để chống đỡ cho các quốc gia "có bộ máy cồng kềnh". Những người cánh Tả cho rằng chính sách của Quỹ này là một cái "nêm" được che đậy kín đáo cho lợi ích tư bản chủ nghĩa – một quan điểm được nhấn mạnh bởi cựu đại diện thương mại Mỹ Mickey Kantor khi diễn tả đầy màu sắc tổ chức này như là một "trục gỗ công thành" cho lợi ích của Hoa Kỳ. Một cách giải thích ít thú vị hơn miêu tả IMF như một tượng bù nhìn (Wizard of Oz) không may mắn, mà theo ngôn từ của một nhà quan sát là "một bộ máy kỳ cục được thần thoại hóa mà thông qua đó những kẻ bắt tài lên tiếng," một bộ máy mà tác động của nó hạn chế hơn nhiều so với những gì những người ủng hộ lẫn chỉ trích có thể làm chúng ta tin được.

Hồ sơ thực tế của IMF rất hữu ích trong việc phân loại các tuyên bố thổi phồng và mâu thuẫn này. Được thành lập vào năm 1944 (xem thông tin trong khung ở trang kế tiếp), tổ chức này đóng một vai trò khiêm tốn nhưng quan trọng trong việc duy trì ổn định tỷ giá hối đoái trong hai thập niên tồn tại đầu tiên. Lý do quan trọng nhất cho sự tồn tại của nó sụp đổ sau năm 1971, khi các đồng tiền mạnh chuyển sang hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi. Kể từ đó (và đặc biệt là sau năm 1978, khi điều lệ của IMF sửa đổi lần thứ hai chính thức phê chuẩn việc chuyển sang tỷ giá thả nổi), quan hệ của nó với các nước công nghiệp phát triển phần lớn là theo quy ước. Vào đầu những năm 1980, khi việc cho vay của các ngân hàng thương mại hoạt động ở tốc độ cao, giới khách hàng của IMF đã bị thu hẹp chỉ còn những nước nghèo mà không một ngân hàng thương mại nào sẵn sàng cho vay.

IMF hoạt động ra sao

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới – được gọi là các thể chế Bretton Woods – được thành lập vào năm 1944. Mục đích của IMF là thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế, ổn định tỷ giá hối đoái, và mở rộng thương mại quốc tế bằng cách đóng vai trò là người cho vay cuối cùng khi một quốc gia thành viên phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế.

Về nguyên tắc, IMF có cấu trúc giống như một hợp tác xã tài chính. Đóng góp của một nước thành viên cho IMF (gọi là "quotas" - hạn ngạch) được dựa trên tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế toàn cầu. Tầm quan trọng này cũng quyết định quyền biểu quyết và khả năng vay (gọi là "drawings" - quyền rút vốn). Các hạn ngạch tương đương với việc trao đổi các tài sản mà không gây ra nhiều chi phí trực tiếp cho người nộp thuế. Ví dụ như trường hợp của Hoa Kỳ, đóng góp của nước này cho phép nó có quyền rút một số tiền tương đương bằng các đồng tiền khác. Tức là, cũng giống như những nước khác có thể rút tiền đô la Mỹ từ IMF trong những lúc cần thiết (chẳng hạn như lúc có áp lực lên đồng đô la Mỹ), Hoa Kỳ có thể rút tiền của các nước khác (dù là bằng đồng yên Nhật hoặc đồng mark Đức) cho riêng mình. Trên thực tế, Hoa Kỳ đã rút tiền từ quỹ IMF trong 28 dịp khác nhau, gần đây nhất là một lần rút 3 tỉ USD vào năm 1978.

Bằng cách yêu cầu IMF, một nước thành viên đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính có thể tiếp cận các nguồn lực và tham vấn của Quỹ này. Khi việc rút vốn của một quốc gia trở nên lớn hơn so với hạn ngạch của nó, nó phải đáp ứng những tiêu chuẩn chi tiết hơn hay còn gọi là "các điều kiện" vốn thường có nghĩa là những thay đổi quan trọng trong chính sách kinh tế để đảm bảo giảm mạnh hoặc thậm chí xóa bỏ thâm hụt thâm hụt trong và ngoài nước. Không đáp ứng được những điều kiện đó sẽ dẫn đến việc đình chỉ, đàm phán lại, hoặc thậm chí hủy bỏ chương trình vay của IMF.

Mặc dù tổng quy mô hạn ngạch của IMF tăng từ khoảng 9 tỷ USD vào lúc mới thành lập lên đến gần 200 tỷ USD vào năm 1997, quy mô Quỹ này đã suy giảm tương đối so với hầu hết các chỉ số kinh tế toàn cầu có liên quan, như quy mô của thương mại thế giới, dự trữ quốc tế, hay dòng tài chính quốc tế.

–D.K.

Cho đến giữa những năm 1980, các chương trình tài trợ tại những nước nghèo tương đối hạn hẹp và thường là ngắn hạn. Điều kiện cho vay tập trung vào việc phá giá tiền tệ, cắt giảm ngân sách, tăng thuế cao hơn, và kiểm chế nguồn cung tín dụng cho nền kinh tế. Tuy nhiên, tất nhiên là không thiếu những lời chỉ trích. Những người theo chủ nghĩa dân tộc dưới mọi sắc thái phàn nàn về việc mất chủ quyền liên quan đến các yêu cầu của chương trình của IMF. Đáng chú ý hơn, các nhà phê bình đặt câu hỏi về mối quan tâm duy nhất của Quỹ này đối với thâm hụt ngân sách, đặc biệt là xu hướng bỏ qua các thực tế chính trị dẫn tới việc các chính phủ cắt giảm các chi phí ít có lợi về chính trị cho họ (ví dụ, kinh phí cho giáo dục tiểu học), trong lúc bảo vệ các lợi ích lớn hơn về chính trị (như các lợi ích của giới quân đội và của sinh viên đại học). Cũng với những lý do tương tự, các chính phủ trong lúc ra sức đáp ứng những mục tiêu bắt buộc của IMF thường chọn cách tăng thuế theo con đường ít có phản kháng chính trị nhất – ví dụ như tăng thuế bán hàng thay vì thuế bất động sản.

Tóm lại, những chỉ trích đối với các chương trình của Quỹ thường để giúp che đậy hành động của chính các chính trị gia và các nhà hoạch định chính sách, là những người chịu trách nhiệm phần lớn về những khó khăn của nước họ. Bất chấp những ý định tốt nhất của IMF, thực tế của nền chính trị nước đi vay thường đưa đến kết quả tụt lùi về mặt xã hội, thiên cận về kinh tế, và khả năng khiêm tốn trong việc đưa một đất nước trở lại con đường tăng trưởng bền vững. Ví dụ, những chương trình IMF bùng nổ số lượng lớn ở châu Phi vào cuối những năm 1970 đã tỏ ra là các tham vãn hết sức tồi của IMF cho một châu lục có các vấn đề kinh tế bất rã sâu xa từ những nguyên nhân chính trị và xã hội. Nhưng trái lại, chương trình của Quỹ giúp đỡ đáng kể cho các nước có cơ sở hạ tầng thể chế khá dĩ và sẵn sàng thực hiện những quyết định cứng rắn (như Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, và Thái Lan trong thập niên 1970 và 1980).

Cuộc khủng hoảng nợ: Một then chốt lịch sử

Cuộc khủng hoảng nợ ở châu Mỹ La tinh xuất hiện vào năm 1982 đánh dấu một bước ngoặt lớn đối với vận mệnh của IMF. Khéo léo lèo lái vượt qua khó khăn chưa từng có, Quỹ đã giúp ngăn chặn những nguy hiểm mà cuộc khủng hoảng này gây ra cho hệ thống tài chính toàn cầu. Nhưng vai trò của Quỹ trong cuộc khủng hoảng nợ cũng đã để lại hai hệ quả quan trọng lâu dài cho tổ chức này. Thứ nhất, nó trở thành gần như là người thu hồi nợ thay cho các ngân hàng thương mại. Thứ hai, IMF đã mở rộng sứ mạng của mình để thúc đẩy cả các cải cách cơ cấu.

"Chấp hành viên của Cộng đồng Chủ nợ"

Mặc dù cả con nợ và chủ nợ cùng chia sẻ trách nhiệm trong cuộc khủng hoảng nợ những năm 1980, chi phí điều chỉnh không được phân chia cân xứng cho các nước con nợ, những nước đã phải gánh chịu suy giảm kinh tế tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại Suy thoái. Ngay cả khi

các chương trình của Quỹ tăng lên về số lượng, giá trị cho vay ròng của nó đã co lại. Đặc biệt xấu hổ cho IMF là sự tương phản giữa số tiền trả nợ tăng lên của các quốc gia Mỹ Latinh vào cuối những năm 1980 với sự co hẹp hơn nữa của nền kinh tế các nước này. Mô tả IMF như là "người chấp hành của cộng đồng chủ nợ", cựu giáo sư Đại học Columbia Karin Lissakers (nay là giám đốc điều hành của Mỹ tại IMF) lưu ý rằng, hành vi của "một tổ chức chính trị" như IMF "đặt ra câu hỏi sự thiên vị của nó nghiêng về phía nào" khi được đặt giữa con nợ và chủ nợ. Chỉ trích của Stanley Fischer, giáo sư MIT (hiện là Phó giám đốc điều hành thứ nhất của IMF) về "chiến lược sai lầm không-giảm-nợ" của tổ chức này nhận được sự ủng hộ của Jacques Polak, một cựu giám đốc nghiên cứu có uy tín và sau đó là giám đốc điều hành của Hà Lan tại Quỹ, người phàn nàn rằng tổ chức này "bị các ngân hàng thương mại lợi dụng để thu hồi nợ giúp họ."

Một người bạn lúc cần

Có rất nhiều ví dụ về việc sức ép chính trị làm suy yếu tính hiệu quả thể chế của IMF. Mặc dù có bằng chứng rõ ràng về việc đồng tiền khối các nước châu Phi nói tiếng Pháp bị xác định mức tỷ giá sai, ai ai cũng biết rằng Pháp đã gây áp lực với Quỹ để ngăn cản nó không được thúc ép các nước này phá giá đồng tiền. Vai trò then chốt của Ai Cập ở Trung Đông đã khiến IMF, dưới áp lực của Hoa Kỳ, phải giải thích các điều kiện cho vay linh hoạt hơn đối với nước này. Lịch sử lâu dài của những chương trình thất bại đối với chế độ Mobutu ở Zaire là một ví dụ đặc biệt ngoại lệ về tính linh hoạt thể chế để đáp ứng lợi ích của các cường quốc (trong trường hợp này là Bỉ, Pháp, Đức, và Hoa Kỳ). Tương tự như vậy, có những lý do chính trị vững chắc để giải thích tại sao IMF sẵn sàng đưa vào các điều kiện cho vay liên quan đến nạn tham nhũng cho nước Nga theo cách mà nó không sẵn sàng làm đối với Kenya.

—D.K.

Vai trò người thu nợ chắc chắn làm giảm mức độ khả tín đối với tổ chức này. Ví dụ, những dự báo kinh tế của nó đã trở nên dễ bị tác động trước áp lực của cổ đông lớn (xem bảng trên). Như cựu chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Paul Volcker đã có lần nói thẳng về số liệu của IMF trong cuộc khủng hoảng nợ, đó là những con số "được dàn xếp", trong một số trường hợp bao gồm cả những gì Jacob Frenkel, cựu giám đốc nghiên cứu của IMF gọi là "những cân nhắc bên ngoài các phân tích đơn thuần." Thật vậy, nếu "hồ sơ ghi chép cho thấy các tranh luận thẳng thắn và cởi mở không diễn ra trong giới quan chức và ngân hàng" (sử dụng miêu tả của Fischer 1989 về đặc điểm hành vi của các thể chế Bretton Woods trong

cuộc khủng hoảng nợ), thì việc lòng tin của khách hàng suy giảm là điều không thể tránh khỏi.

Sự ra đời những Cải cách cơ cấu

Hệ quả thứ hai của cuộc khủng hoảng nợ là IMF, bị thúc đẩy bởi kết quả khiêm tốn của các chương trình của Quỹ và trước áp lực của các nhà phê bình, đã sửa đổi lại phương pháp tiếp cận của mình. Thay vì chỉ tập trung vào quy mô thâm hụt ngân sách và mức độ tăng thu nhập cũng như cắt giảm chi tiêu cần thiết để điều chỉnh, Quỹ bắt đầu yêu cầu các khoản cắt giảm và tăng trưởng cụ thể, ví dụ như thúc ép một số nước bảo vệ các chương trình xã hội trong khi cắt giảm chi tiêu quân sự. Khi các khó khăn kinh tế của châu Phi – và thành công rất hạn chế của IMF ở đó – trở nên rõ ràng, các chương trình Quỹ trở nên thậm chí còn chi tiết hơn. Để đối phó với những lời chỉ trích rằng các chính sách của nó làm tổn thương người nghèo, hoặc xu hướng của nó thiên về nền kinh tế thất lưng buộc bụng, và xuất khẩu đã khuyến khích hủy hoại môi trường, Quỹ này đã bổ sung thêm vào chương trình nghị sự của mình vấn đề xóa đói giảm nghèo và các vấn đề liên quan đến quản lý (như tham nhũng) – một xu hướng được củng cố hơn nữa bởi việc các nước Đông Âu gia nhập Quỹ vào cuối những năm 1980. Trong nhiều trường hợp, IMF đưa ra các điều kiện cho vay theo yêu cầu của người đi vay, cho dù đó là các quan chức sở tại cảm thấy bất lực không thể tác động đến các nhà lãnh đạo chính trị, hoặc là các chính trị gia muốn sử dụng IMF làm lá chắn bảo vệ cho họ không bị công chúng bác bỏ các chính sách đề ra khi họ nhận thấy các chính sách đó là cần thiết.

Mặc dù phương pháp hoạt động của Quỹ thay đổi trên giấy hơn là trên thực tế, các điều kiện cho vay của nó rõ ràng đã vượt ra ngoài quá các yêu cầu điều chỉnh tài khóa và tiền tệ. Một xu hướng vừa rõ ràng vừa đáng lo ngại hơn tiềm ẩn trong việc điều chỉnh sứ mệnh từ từ của IMF là sự ngạo mạn của tổ chức này ngày càng tăng. Bị thúc đẩy bởi đòi hỏi của các chủ sở hữu chính và những hoạt động nội bộ của các nhà quản lý kỹ trị, Quỹ bắt đầu cho rằng tất cả những gì được coi là tốt đối với một quốc gia cũng cần phải trở thành một phần sứ mệnh của mình. Kết quả là, sự chòng chẹo của tổ chức này với thể chế Bretton Woods song sinh của nó là Ngân hàng Thế giới đã gia tăng. Và với việc các cường quốc có "quan điểm rất ủng hộ Quỹ" so với Ngân hàng Thế giới (một lần nữa lại sử dụng cách nói của Fischer), các tham vấn phát ra từ các thể chế Bretton Woods bắt đầu có hơi hướng IMF ngày càng tăng.

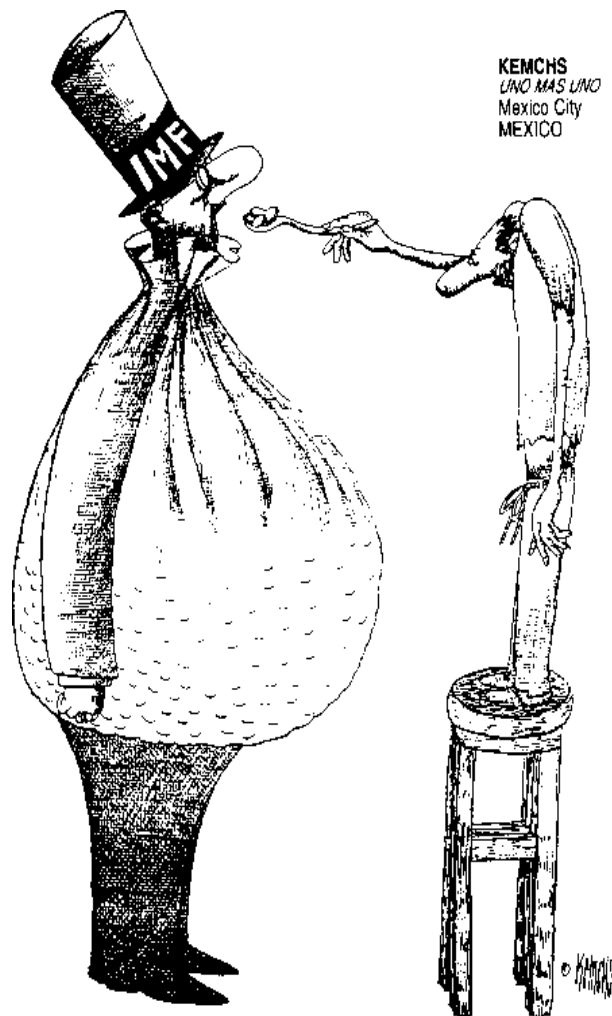
Mexico 1994: Một mô hình sụp đổ

Hậu quả của cuộc khủng hoảng nợ những năm 1980 đã dẫn tới sự đồng thuận giữa các nhà hoạch định chính sách rằng các nước kém phát triển (LDCs) nên trông cậy nhiều hơn vào các lực lượng thị trường. Khi kết hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn (đặc biệt là

thâm hụt ngân sách thấp), thị trường tài chính được tự do hóa sẽ tạo ra tăng trưởng mạnh hơn và tạo điều kiện cho các cơ chế tự điều chỉnh của kỷ luật thị trường hoạt động. Các nước như Mexico, vốn giảm mạnh thâm hụt ngân sách, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, và hoan nghênh đầu tư nước ngoài, đã được Quỹ tiền tệ và Phố Wall biểu dương và khen ngợi là các học trò xuất sắc không thể làm sai. Bằng chứng về điều ngược lại đã bị tảng lờ hoặc bị gạt bỏ bởi một IMF quyết tâm duy trì và nhân rộng mô hình cải cách kinh tế của mình. Vì vậy, khi khủng hoảng tài chính nổ ra ở Mexico tháng 12 năm 1994, IMF (chưa nói gì đến Phố Wall, các phương tiện truyền thông, và hầu hết các nhà phân tích hàn lâm), nói một cách nhẹ nhàng, là đã bị bất ngờ.

Gói tài chính khổng lồ 40 tỷ đô la mà IMF thu xếp cho Mexico năm 1995 – là gói cứu trợ lớn nhất từ trước cho đến lúc đó – được chấp thuận chỉ bởi vì Mexico nằm sát biên giới cổ đông lớn nhất của IMF. Gói này ngăn chặn việc vỡ nợ và cho phép Mexico tiếp tục tiếp cận các thị trường tài chính, trong lúc hạn chế tác động của cuộc khủng hoảng đối với các nước khác trong khu vực. Nhưng nó cũng lại đặt ra một tiền lệ. Ít nhất, nó cho thấy khả năng là các chủ nợ nước ngoài có thể mong đợi được giải cứu trong những tình huống tương tự. Và mặc dù một số bình luận mới đây miêu tả sự can thiệp của IMF là một "thành công", sự miêu tả như vậy tránh nhắc tới một thực tại ảm đạm rằng tiền lương thực tế ở Mexico vẫn còn thấp hơn một phần tư so với mức lương trước khủng hoảng của họ cách đây hơn ba năm.

Mở xé rút kinh nghiệm của IMF về cuộc khủng hoảng Mexico đưa ra kết luận rằng không phải Quỹ sai, mà nó không có đủ phương tiện để làm cho đúng. Nó xác định một vấn đề chung chung đang ảnh hưởng đến các nước kém phát triển – sự thiếu minh bạch – và yêu cầu các cổ đông bổ sung lực lượng giám sát và nguồn lực để khắc phục tình trạng này. Thuyết phục các quốc gia cung cấp thông tin tài chính nhiều hơn cho các tổ chức quốc tế như IMF (và cho công chúng) chắc chắn sẽ giúp ích cho việc ngăn chặn hoặc giảm bớt khủng hoảng. Tuy nhiên phương pháp này có những hạn chế. Ngay cả khi nếu IMF có nhiều thông tin liên quan hơn, Quỹ hẳn sẽ rất thận trọng (không công bố thông tin) khi đứng trước một vấn đề đang xuất hiện, vì thị



trường tài chính có xu hướng (nhảy cảm thái quá) biến các dự báo không-quá-tồi-đến-vậy của các tổ chức như IMF tự thành sự thật. Và IMF càng yêu cầu nhiều thông tin thì các nước càng ít có khả năng cung cấp thông tin, ít nhất là trong khung thời gian nhanh chóng mà thị trường vận động, và đặc biệt là khi các nhà quản trị tiền tệ toàn cầu cảm nhận được các vấn đề đang lờ mờ xuất hiện. Cuối cùng, quan trọng không phải là ở chính thông tin có sẵn, mà là việc giải thích thông tin đó. Không ai bị mù theo nghĩa đen, và dán mắt vào hũ đầy vàng lấp lánh cũng có thể làm người ta lóa mắt không nhìn thấy được gì.

Một phản ứng khó hiểu hơn với cuộc khủng hoảng đồng peso là việc Quỹ rất nhiệt tình với các thị trường tài chính toàn cầu tự do. Những thị trường tài chính toàn cầu đó rủi ro cao và phần thưởng cũng cao. Nhưng vì các nước nghèo ít có khả năng chịu đựng rủi ro, người ta có thể trông đợi rằng IMF, bất chấp các phần thưởng lớn tiềm tàng, vẫn sẽ có những bước đi thận trọng trong việc hội nhập các nước nghèo vào các thị trường tài chính toàn cầu. Như Larry Summer đã nói khi ông còn là kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới, trong hoạt động ngân hàng cũng như trong các nhà máy hạt nhân, “vào cửa miễn phí là điều không hợp lý.” Nhưng với lập luận rằng việc di chuyển vốn tự do có lợi ích đáng kể, Quỹ đã bắt đầu chiến dịch thúc đẩy tự do hóa tài khoản vốn trong phạm vi sứ mạng và thẩm quyền của mình chưa đầy một năm rưỡi sau cuộc khủng hoảng Mexico. Tất nhiên, một yếu tố đằng sau quan điểm của Quỹ có thể là thứ suy nghĩ được Summers, hiện là Thứ trưởng Bộ Tài chính Mỹ, diễn đạt cụ thể sau đó rằng "tự do hóa tài chính, cả trong và ngoài nước, là một phần quan trọng trong chương trình nghị sự của Hoa Kỳ."

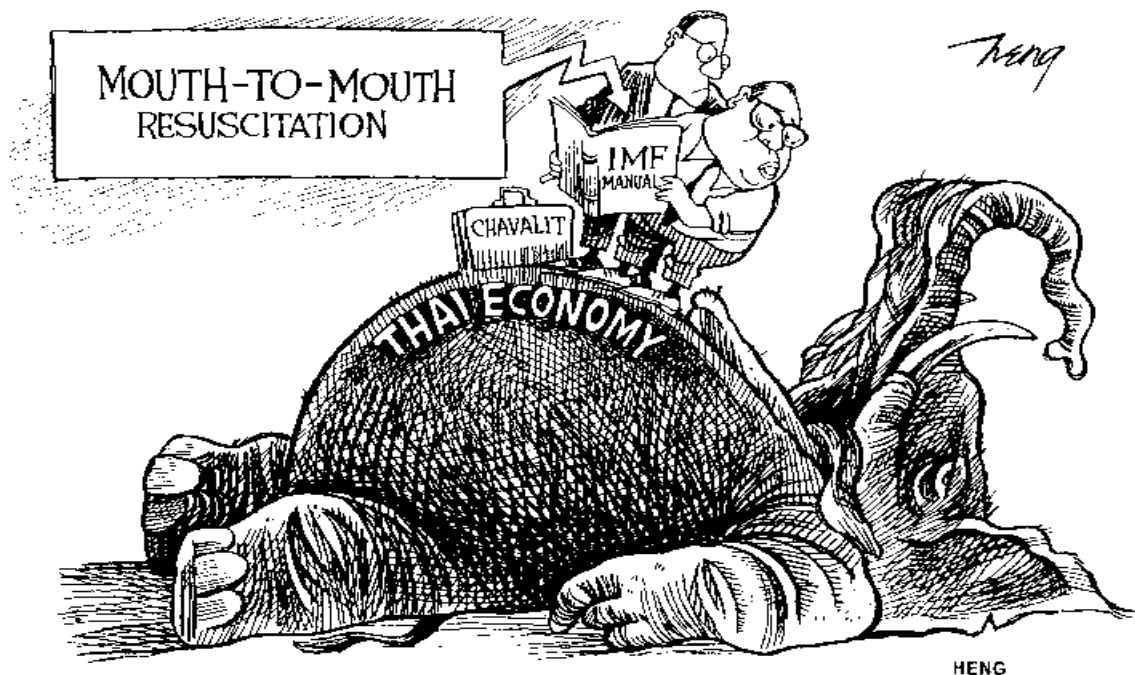
Châu Á 1998: Quá khứ lặp lại với một sự khác biệt

Hậu quả từ kinh nghiệm mà IMF đã trải qua trong những cuộc khủng hoảng trước đó được biểu hiện rõ nét trong vai trò mà nó ngày càng thể hiện rõ trong cuộc khủng hoảng châu Á. Như trước đây, chẩn đoán của Quỹ nhấn mạnh đến nguồn gốc trong nước của vấn đề: thất bại trong việc kiểm soát thâm hụt cán cân thanh toán lớn; sự bùng nổ của thị trường tài chính và bất động sản; chế độ tỷ giá hối đoái bị quản lý yếu kém; mở rộng nhanh chóng nhưng điều tiết kém hệ thống tài chính, và miễn cưỡng hành động dứt khoát một khi niềm tin đã bị đánh mất.

Nhưng, cũng như trong quá khứ, tập trung của Quỹ vào các yếu tố nội tại trong nước làm sự quan tâm (của công chúng) chệch hướng khỏi sự ủng hộ vững chắc trước đó của Quỹ đối với các chính sách của những nước này cũng như sự cổ vũ nồng nhiệt của nó cho việc loại bỏ các rào cản đối với quá trình toàn cầu hóa. Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, và Thái Lan đã tăng trưởng mạnh trong nhiều năm qua bất chấp hệ thống tài chính yếu kém và nhiều sự kiện bên ngoài gây bất ổn, trong đó có cú sốc dầu lửa vào những năm 1970 và đồng đô la tăng vọt đầu những năm 1980. Và, đúng vậy, chủ nghĩa tư bản thân hữu cũng phát triển mạnh – dù có thể theo một con đường khá minh bạch. Giờ đây IMF và thị trường vốn quốc

tế tuyên bố họ đã bị sốc, chỉ sốc thôi, khi phát hiện ra rằng những thành tựu kinh tế ấn tượng của các chế độ này được xây dựng trên những nền tảng đáng ngờ đến thế.

Các nước này thực sự đã sai lầm nghiêm trọng, có lẽ tệ nhất là sự quá tự tin thái quá rằng thành công của họ ở khía cạnh nào đó là dựa trên nền tảng độc đáo của "các giá trị châu Á" ít nhiều thần kỳ. Trong thực tế, nền kinh tế của họ thất bại không phải bởi những nhược điểm nội tại có thể nhìn thấy được, mà do tác động không lường trước được của dòng vốn toàn cầu mà IMF đã tìm giải phóng. Các chỉ số kinh tế vĩ mô thông thường của các nước châu Á bị khủng hoảng là khá tốt trong chuẩn mực an toàn. Đây không phải là những chính phủ hoang phí có chính sách đưa đến thâm hụt ngân sách lớn và lạm phát. Thâm hụt tài khoản vãng lai ở Thái Lan cực kỳ cao, nhưng điều đó không phải là bí mật. Khi nhìn lại, đúng là có những khiếm khuyết trong chế độ tỷ giá hối đoái, đặc biệt là ở Hàn Quốc và Thái Lan, nhưng các khiếm khuyết này lại không rõ ràng vào thời điểm đó, và tỷ giá hối đoái đã không được định giá quá cao. Nhưng sự kết hợp của dòng vốn đầu vào khổng lồ với lãi suất tiết kiệm trong nước cao đã cám dỗ các giám đốc điều hành ít kinh nghiệm cũng như các chính trị gia tham nhũng và kém năng lực, đặc biệt là khi nhà nước ngầm đứng đằng sau những hoạt động đầu cơ tài chính của các tổ chức tư nhân.



Khi bong bóng tài sản trong nước bị vỡ, hậu quả có thể rất đau đớn. Sự tẩu tán vốn làm sự đau đớn còn tăng mạnh hơn. Trong trường hợp cuộc khủng hoảng ở châu Á, một vòng luân chuyển cứ tiếp diễn. Khi vốn chảy mạnh ra ngoài, tỷ giá hối đoái bị sụp đổ, và một làn sóng phá sản của các doanh nghiệp không trả được nợ vay nước ngoài đã nhấn chìm khu vực kinh tế tư nhân, để các nước này rơi vào tình trạng phó mặc cho những nhà cho vay tư nhân hoảng loạn và tổ chức cho vay chính thức ngoan cố (không chịu giải ngân).

IMF đã tập hợp một gói tài chính khổng lồ – 17 tỷ đô la Mỹ cho Thái Lan, 43 tỷ cho Indonesia, và 57 tỷ cho Hàn Quốc – nguồn lấy từ chính IMF, cùng với Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, và các chính phủ hàng đầu. Bất chấp óc xét đoán kém cỏi thể hiện bởi thị trường tài chính (chênh lệch về lãi suất giữa nợ quốc gia châu Á và Mỹ cũng như mức độ rủi ro tương đối mà thị trường gán cho các nước này đã tiếp tục thu hẹp cho đến nửa đầu năm 1997, ngay trước khi cuộc khủng hoảng nổ ra), các nguồn lực giải ngân từ các chương trình của Quỹ đã được các nền kinh tế đổ nát châu Á sử dụng để trả nợ nước ngoài.

Nhưng việc giải ngân có liên quan đến chuyện các nước này phải đáp ứng một loạt các điều kiện dường như vượt ra ngoài sứ mạng của IMF. Hai thập niên trước đây, các chương trình của Quỹ thường áp đặt khoảng một tá các yêu cầu hoặc hạn chế. Nhưng nay các nước châu Á đã buộc phải ký những thỏa thuận trông giống như cây thông Noel hơn là hợp đồng, với áng chừng từ 50 đến 80 các điều kiện chi tiết bao gồm tất cả mọi thứ từ bãi bỏ độc quyền về tối tới việc đánh thuế trên thức ăn gia súc và các luật môi trường mới.

Nhiều trong số các mục tiêu làm cơ sở của những điều kiện này đáng được hoan nghênh. Không may là chúng cũng phản ánh sự thiếu tự ràng buộc về thể chế vốn có thể gây rắc rối. Theo các nguồn tin từ bên trong Quỹ, các điều kiện chẳng hạn như yêu cầu Hàn Quốc đẩy nhanh việc mở cửa các lĩnh vực ô tô và tài chính phản ánh sức ép từ các cổ đông chủ chốt (Nhật Bản và Hoa Kỳ). Tại Indonesia, các điều kiện chi tiết liên quan đến lĩnh vực ngân hàng bị áp đặt bất chấp chuyên môn hạn chế của Quỹ trong lĩnh vực này. Tháng 11 năm 1997, chính phủ Indonesia đóng cửa 16 ngân hàng trước sự khăng khăng của IMF mà không đảm bảo chắc chắn rằng chính phủ sẽ đứng đằng sau (để hỗ trợ) các ngân hàng còn lại. Kết quả là làn sóng rút tiền khỏi ngân hàng gần như kéo sụp toàn bộ ngành ngân hàng Indonesia. Theo thừa nhận của chính IMF, một hệ thống yếu ớt đã bị đẩy qua bờ vực thẳm – một minh họa bi thảm cho tác động của việc Quỹ hành động vượt quá phạm vi thể chế của mình.

Khôi phục lại sự cân bằng

Xét lịch sử 50 năm qua của IMF, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á gợi mở bốn kết luận:

Kết luận đầu tiên và rõ ràng nhất, như chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Alan Greenspan nhận xét gần đây, là hệ thống tài chính toàn cầu dường như tạo điều kiện thuận lợi cho "các rối ren tài chính lan truyền một cách hiệu quả hơn bao giờ hết." Nhiều nhà phân tích giờ đây chia sẻ quan điểm cho rằng nên giám sát dòng tài chính nước ngoài bằng cách nào đó. Vấn đề là làm thế nào để việc tự do hóa thị trường vốn thế giới ít nguy hiểm hơn. Mặc dù các nước kém phát triển chắc chắn cần phải mở cửa ra thị trường vốn thế giới, họ nên làm như vậy với tốc độ phù hợp với khả năng phát triển cấu trúc hợp lý về thể chế và điều tiết của mình. Cụ thể, việc hạn chế chặt hơn về vay vốn nước ngoài ngắn hạn – đặc biệt là bởi các ngân hàng, có thể là điều hết sức cần thiết.

Yêu cầu phải thận trọng hơn về phía các nước kém phát triển cũng được nhấn mạnh do sự thất bại của các đề xuất khác nhau được thiết kế để bảo vệ các quốc gia khỏi sức mạnh toàn lực của dòng chảy tài chính toàn cầu (chẳng hạn như đánh thuế vào các giao dịch tài chính quốc tế hoặc như đề nghị của nhà tài chính George Soros về một tổ chức bảo hiểm quốc tế được tài trợ chung). Về lý thuyết, khi một cuộc khủng hoảng tài chính thực sự xảy ra, cần phải có một quy chế quốc tế tương đương với luật phá sản trong nước, điều sẽ tạo ra một hành lang pháp lý cho các chủ nợ và con nợ giải quyết sự khác biệt, và cho phép cả hai bên ngăn chặn được cơn hoảng loạn tài chính và ngăn họ trốn tránh trách nhiệm của mình. Nhưng các chủ thể chính trên thị trường tài chính quốc tế không thích ý tưởng này. Có lẽ là bởi họ nhận thức được rằng có thể gây sức ép lớn hơn nữa với các nước kém phát triển thông qua IMF hơn là thông qua "thủ tục phù hợp" về tranh tụng pháp lý. Trừ phi là các nước công nghiệp phát triển có tổn thất lớn hơn nhiều, sự ủng hộ cho bất kỳ đề xuất nào trong số này sẽ khó có thể xảy ra.

Kết luận thứ hai là "rủi ro đạo đức" – khuynh hướng các nước đi vay và các chủ nợ chấp nhận rủi ro quá mức vì lý do có sự bảo hiểm ngầm trong các gói cứu trợ – tồn tại ở cả IMF, người đi vay lẫn người cho vay.

Trong trường hợp người đi vay, chi phí cho các công dân và tổ chức của họ vượt xa dòng tài chính đến từ các gói cứu trợ. Do đó, nói rằng nước đi vay sẽ hành động thiếu thận trọng với hy vọng được "cứu trợ" là không hợp lý. Rủi ro (về đạo đức hay về các khía cạnh khác) nằm ở chỗ lãnh đạo các nước kém phát triển sẽ sử dụng IMF và các lực lượng bên ngoài khác để lái sự bất mãn trong nước ra khỏi bộ máy của chính họ. Có lẽ còn có "rủi ro đạo đức" lớn hơn nữa giữa các chủ nợ, đặc biệt là trong phân khúc ngân hàng của khu vực tài chính – một đề tài được bình luận rất nhiều trong những năm gần đây.

Đáng lo ngại hơn là loại rủi ro đạo đức nhất định nào đó về phía IMF và các cổ đông lớn của nó. Việc mở rộng một cách đều đặn các mục tiêu về thể chế (và điều kiện vay) đã xảy ra bởi vì các nước đi vay chịu phần lớn các rủi ro chính trị, kinh tế và tài chính từ các chương trình của IMF. Các cổ đông lớn, nhóm điều hành hay nhân viên của Quỹ chịu rất ít bất lợi trong các chương trình này. Về mặt tài chính, gói cứu trợ do IMF dẫn đầu tạo ra rất ít chi phí ròng lên các nước công nghiệp phát triển, vì Quỹ này luôn đòi được tiền nợ (trừ trường hợp ngoại lệ của Sudan, tiền nợ đọng đối với IMF chỉ tồn tại trong trường hợp các nước đã sụp đổ hoàn toàn). Thiệt hại gây ra bởi việc IMF xử lý sai khu vực ngân hàng Indonesia hoàn toàn do nước này gánh chịu, chứ không phải IMF hoặc hội đồng quản trị, những người đã ủng hộ các điều kiện như vậy. Vai trò tối cao của IMF trong các định chế tài chính đa phương có nghĩa rằng Quỹ là người đầu tiên nhảy vào các nước khủng hoảng – nhưng cũng là người đầu tiên rút ra khỏi đó – làm giảm thiểu hơn nữa các rủi ro tài chính đối với Quỹ. Thay vì làm nổi bật những hạn chế của Quỹ, các cuộc khủng hoảng khác nhau tác động đến các nước kém phát triển lại giúp mở rộng tiềm lực và sức mạng của nó, một sự bành trướng được thúc đẩy bởi con ngáo ộp các mối đe dọa "mang tính hệ thống" đối với hệ

thống tài chính thế giới.

Nếu IMF có ít rủi ro về tài chính, các rủi ro chính trị thậm chí còn ít hơn. Quỹ này rất không thích hợp cho việc quản lý các mối quan hệ kinh tế giữa các cường quốc kinh tế. Kết quả là, về "cơ cấu" các nước thành viên của nó được chia thành các chủ nợ và con nợ, với nhóm thứ hai bao gồm các nước kém phát triển và gần đây hơn là các nước đang quá độ từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường. Với sự phân chia như vậy, bản chất của tổ chức này như là một hợp tác xã đã bị thu hẹp. Biết rằng khó có khả năng phải vay từ IMF, các cường quốc kinh tế cảm thấy ít e ngại trong việc không ngừng mở rộng quyền lực và vai trò của Quỹ. Ví dụ, nhiều thành viên châu Âu của IMF đã ủng hộ các điều kiện đòi hỏi thị trường lao động ở châu Á phải linh hoạt hơn mà không cần suy nghĩ về tình hình trong nước họ, nơi thị trường lao động cực kỳ cứng nhắc đang dẫn đến tình trạng thất nghiệp tăng vọt. Mâu thuẫn này thay vì thể hiện một tiêu chuẩn kép rõ ràng thì chủ yếu liên quan đến việc nhiều quốc gia châu Âu ít có khả năng phải chịu các điều kiện hạn chế đó của IMF.



SUMMER 1998 125

Kết luận thứ ba là việc quyền lực và sức mạng của IMF được tiếp tục mở rộng là không tốt cho các quốc gia mắc nợ, cho hệ thống tài chính toàn cầu, và cuối cùng là cho chính IMF. Phạm vi của các điều kiện cho vay ngày càng tăng có nghĩa là trong một cuộc khủng hoảng tài chính, IMF sẽ nắm quyền kiểm soát quá trình ra quyết định của các quốc gia ngày một nhiều hơn nữa mà không chịu bất kỳ sự gia tăng tương xứng nào về trách nhiệm giải trình. Nói một cách khác, thiếu sự chia sẻ rủi ro có nghĩa là những điều kiện này chung quy là một hình thức đánh thuế chính trị bất công (mà ở đó người đóng thuế không có

quyền đại diện).¹

Hơn nữa, trong các cuộc khủng hoảng kinh tế có nguồn gốc từ tài chính ngày nay, mở rộng chương trình nghị sự của IMF (và các điều kiện cho vay có liên quan) có thể tự chuốc lấy thất bại. Khác với các khủng hoảng kinh tế "kiểu cũ" cháy âm ỉ gây ra bởi mất cân bằng kinh tế vĩ mô, khủng hoảng tài chính có thể lan nhanh ra toàn cầu như cháy rừng. Hành động nhanh chóng và quyết đoán là cần thiết để kiểm soát khủng hoảng. Việc mở rộng điều kiện cho vay luôn đưa đến kết quả làm mất thời gian quý báu, cho dù là trong quá trình đàm phán hoặc thực hiện, làm cho tình hình càng tồi tệ hơn nữa.

Cũng không nên đánh giá thấp những thiệt hại lâu dài cho chính bản thân IMF. Khi không có luật lệ đề ra để đảm bảo sự tự kiểm chế, nhân viên của Quỹ – giống như của bất kỳ một tổ chức quan liêu nào khác – sẽ luôn luôn thúc đẩy Quỹ tới việc kê đơn chính sách giúp cho họ trở nên quan trọng và có ảnh hưởng hơn. Những người quan sát bộ máy quan liêu của các chính phủ từ lâu đã nhận ra rằng theo đuổi quá nhiều sứ mệnh làm suy yếu hiệu quả của bộ máy quan liêu và làm xói mòn quyền tự chủ của thể chế. Chương trình nghị sự mở rộng của IMF làm cho nó vừa kém hiệu quả hơn vừa dễ bị chính trị hóa, do đó làm xấu đi danh tiếng kỹ trị vốn cần thiết cho uy tín của các đơn thuốc chính sách nó đưa ra. Khi mục tiêu của Quỹ gia tăng, các tiêu chí của "thành công" trở nên mù mờ hơn, dẫn tới chuyện tổ chức này tán tưng "thành tích" của mình hăng hái hơn bao giờ hết – kết quả là làm nó mất uy tín, như được minh chứng bởi cuộc khủng hoảng nợ trong những năm 1980, và một lần nữa bởi sự sụp đổ của đồng peso Mexico năm 1994-1995.

Thiếu hiểu biết so với sự khoa trương

Hoa Kỳ là nước ủng hộ tài chính lớn nhất của IMF, với một hạn ngạch – hay "phí thành viên" – chiếm khoảng 18 phần trăm tổng số tiền quỹ của IMF. Nhưng thời gian gần đây vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ nếu nói một cách nhẹ nhàng nhất là một điều vừa có lợi vừa bất lợi cho Quỹ. Sự phản đối gay gắt của Quốc hội Mỹ đối với IMF (thực ra là đối với hầu hết các tổ chức đa phương) đi kèm với sự hiểu biết rất hạn chế của nó về việc IMF thực sự hoạt động như thế nào.

Thái độ của Quốc hội bị thôi thúc bởi một ám ảnh cố định (*idée fixe*) rằng các tổ chức này áp đặt chi phí đáng kể lên người nộp thuế Mỹ. Tuy nhiên, như Bộ trưởng Tài chính Mỹ Robert Rubin gần đây đã chỉ ra, sự tham gia của Mỹ vào IMF "không làm cho người nộp thuế tốn một xu nào." Trên thực tế, giám đốc điều hành IMF Michel Camdessus cho rằng trong vòng 15 năm qua, Hoa Kỳ

¹ Nguyên văn "political taxation without representation" bắt nguồn từ khẩu hiệu "No taxation without representation" của người dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ những năm 1750 và 1760. Theo đó, người dân Bắc Mỹ cho rằng họ không có đại diện trong Quốc hội Anh nên họ không có nghĩa vụ phải đóng thuế cho chính phủ Anh (chú thích của người hiệu đính).

thực sự thu được một ít lợi nhuận (dưới 100 triệu đô la một tí mỗi năm) từ việc là thành viên của tổ chức này.

Việc lãnh đạo đảng Cộng hòa trong Thượng viện, nghị sĩ Trent Lott, miêu tả Camdessus như là "một nhà xã hội chủ nghĩa đến từ Pháp" (do đó cần bị sa thải) và khẳng định cho rằng những đóng góp của Hoa Kỳ cho IMF là lãng phí "tiền của người nộp thuế" có thể bị coi là trò mị dân thiếu am hiểu, nếu những nhận xét như vậy không có ảnh hưởng lớn đến việc tài trợ và chính sách của IMF. Nhưng Quốc hội không chỉ có quyền lực tài chính tác động đến chuyện tăng hạn ngạch của Mỹ, mà nó còn có thể – và ngày càng có thể – sử dụng quyền lực đó để đính kèm các điều kiện (chẳng hạn như cấm tài trợ cho những tổ chức ủng hộ quyền phá thai ở nước ngoài) vào trong các quy định luật pháp Mỹ về việc tài trợ cho IMF. Ví dụ, cuộc tranh luận gần đây về "quy định phá thai" trong Hạ viện Mỹ đã làm trì hoãn việc Mỹ chấp thuận tài trợ mới 18 tỷ USD cho IMF.

Trong khi đó, để thuyết phục Quốc hội tăng hạn ngạch, Bộ Tài chính Mỹ (và các đồng minh mà nó tập hợp để ủng hộ cho trường hợp này) thổi phồng những gì Quỹ có thể làm không chỉ cho các nước đang phát triển mà còn cho cả "lợi ích quốc gia" của Mỹ. Như một lập luận phóng đại như vậy gần đây được trình bày trước Thượng viện, IMF "trên thực tế là một trong những thỏa thuận tốt nhất mà chúng tôi có thể hình dung: chương trình của nó không làm chúng ta mất gì ấy vậy mà đem lại lợi ích to lớn cho nền kinh tế và cho chính sách đối ngoại của chúng ta". Kiểu luận điệu như thế hầu như không giúp ích gì cho các nhà làm chính sách ở các nước gặp khủng hoảng vốn phải bảo vệ các chương trình của Quỹ trước các nhà dân tộc chủ nghĩa đang lên án bá quyền Mỹ. Và sau đó, khi những mong đợi thiếu thực tế này không được đáp ứng, mức độ khả tín của IMF bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

—D.K.

Kết luận cuối cùng là bằng cách bắt các nước con nợ chịu hoàn toàn gánh nặng điều chỉnh, hành động của Quỹ đã làm giảm bớt áp lực phải thay đổi thực trạng đối với các nước chủ nợ, cho dù đó là thay đổi các tổ chức quốc tế được thành lập cách đây 50 năm có kiến trúc ọp ẹp, chế độ tỷ giá hối đoái mà biến động của nó gài bẫy các nước yếu hơn, hoặc sự điều tiết nền tài chính quốc tế ngày càng kém hiệu quả. Ngày nay, các nguyên tắc mà IMF tuyên bố ủng hộ đang ngày càng mâu thuẫn với cách thức mà Quỹ tiến hành công việc của mình. Nó thúc đẩy những lợi thế của dân chủ – trong lúc cho rằng vấn đề này không thực tế, nếu không phải là hết sức nguy hiểm, cho công cuộc quản trị đa phương. Nó chế nhạo và ngăn chặn sự can thiệp của nhà nước vào các vấn đề kinh tế – trong lúc khẳng định đòi

quyền tái cấu trúc từ trên xuống đối với nền kinh tế của các nước kém phát triển. Và nó cho rằng nhu cầu phải kiểm soát quốc tế về vốn là không cần thiết, trong lúc khẳng định việc phải kiểm soát về lao động là rõ ràng.

Một mớ hỗn độn các mâu thuẫn này làm nổi bật tác động phá hoại dần dần của một chuỗi dài các giải pháp tạm thời đối với hệ thống quản trị toàn cầu ngày càng xập xệ. Rốt cục, những hạn chế của các tổ chức đa phương như IMF phản ánh những hạn chế của những quốc gia-dân tộc đã tạo ra chúng. Và, nếu theo một nguyên tắc quy chuẩn là quyền lực phải đi đôi với trách nhiệm, thì những quốc gia có quyền lực nhất trong các tổ chức này phải chịu trách nhiệm về những thất bại của chúng và đảm nhận trách nhiệm lớn nhất trong việc làm trẻ hóa các tổ chức này.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.